TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/DS-PT
Ngày 06 - 02 - 2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lộc Sơn Thái;

Các Thẩm phán: Bà Lương Thị Hồng;

Ông Hồ Đức Châm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Sơn Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Bà Phạm Thị Kim Dung - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2017/TLPT-DS ngày 13 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2017/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Dương Văn Đ, cư trú tại: Thôn P, xã T, huyện C, tỉnh L; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đặng Thị L, cư trú tại: Số 4, ngõ 2, đường B, phường V, thành phố L, tỉnh L, theo văn bản ủy quyền ngày 25/5/2017; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Triệu Thị Kim L là Luật sư, Văn phòng Luật sư T thuộc đoàn Luật sư tỉnh L; có mặt.

- *Bị đơn:*

+ Ông Hà Văn P, sinh năm 1970; có mặt.

+ Ông Lăng Văn T, sinh năm 1970; có mặt.

Đều cư trú tại: Khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh L.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Lăng Văn C; cư trú tại: Khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh L; có mặt.

+ Ông Dương Văn T; cư trú tại: Thôn P, xã T, huyện C, tỉnh L; vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Bà Phạm Thị P; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị L; vắng mặt.

+ Ông Hà Văn N; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh L.

- *Người kháng cáo:* Ông Hà Văn P và ông Lăng Văn T là các bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo của nguyên đơn anh Dương Văn Đ và người đại diện theo ủy quyền bà Đặng Thị L trình bày:

Anh Dương Văn Đ có bố là ông Dương Văn T, mẹ là bà Hà Thị B. Năm 1989 bà Hà Thị B đã xây một nhà trình tường diện tích 48m^2 để ở, diện tích đất làm nhà theo bản đồ địa chính thị trấn L đo vẽ năm 1999 – 2000 thuộc thửa 53, bản đồ số 91, tại khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh L. Đến năm 1996 bà Hà Thị B kết hôn với ông Dương Văn T; sau khi kết hôn ông Dương Văn T và bà Hà Thị B tiếp tục sinh sống tại ngôi nhà trên. Đến năm 1998, hai người có con chung là anh Dương Văn Đ; sau khi sinh anh Dương Văn Đ được 40 ngày thì mẹ anh mất, bố anh sức khỏe yếu, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên bà nội anh là bà Đặng Thị L (Địa chỉ: Số 4, ngõ 2, đường B, phường V, thành phố L, tỉnh L) đưa anh về nuôi dưỡng. Đến năm anh 10 tuổi, bà Đặng Thị L đưa vào Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh L để nuôi dưỡng giáo dục, học tập hết năm 2012 anh về nhà sinh sống với bà Đặng Thị L, anh chưa đến cơ quan có thẩm quyền xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chính vì thế nên đất tranh chấp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mẹ anh chết được mấy năm sau có ông Hà Văn N ở nhờ một thời gian, đến năm 2010 – 2011 không ở nữa, ông Hà Văn N chỉ ở nhờ không tu sửa gì. Đến năm 2013 ông Hà Văn P phá nhà của bà Hà Thị B đi, ông Hà Văn P và ông Lăng Văn T tranh chấp đất với anh mỗi người 24m^2. Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền yêu cầu Tòa án giải quyết, giao cho anh Dương Văn Đ được quản lý, sử dụng diện tích 48m^2 đất tranh chấp, không yêu cầu ông Hà Văn P bồi thường thiệt hại số tiền 15.000.000 đồng.

- Bị đơn ông Hà Văn P trình bày: Về nguồn gốc đất tranh chấp tại khu C,

thị trấn L, năm 1988 bố đẻ của ông là ông Hà Quý X và ông Lăng Văn C thống nhất chia đất cho bà Hà Thị B để sinh sống và làm cửa hàng may mặc, mỗi gia đình cho tổng diện tích là 24m^2. Đến năm 1996 bà Hà Thị B kết hôn với ông Dương Văn T về sinh sống tại đó. Sau khi bà Hà Thị B mất, nhà cửa bỏ không, không có người quản lý, một thời gian sau có ông Hà Văn N là con của vợ hai ông Hà Ngọc L ra ở nhờ một thời gian. Đến năm 2011, do vách nhà trình tường nhà bà Hà Thị B yếu ông Hà Văn N sợ đổ, sập nên đã chuyển đi nơi khác ở, ông Hà Văn N chỉ ở nhờ không tu sửa gì. Đến năm 2013, ông có nhu cầu xây nhà nên ông đã phá dỡ ngôi nhà bà Hà Thị B để phòng tường nghiêng có khả năng đổ sập sang nhà ông. Trong nhà bà Hà Thị B lúc đó không hề có đồ đạc tài sản gì cả. Hiện tại, ông không có giấy tờ gì đối với phần đất tranh chấp trên. Tại phiên tòa hôm nay ông yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích 24m^2 đất tranh chấp, nhất trí nguyên đơn rút yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền là 15.000.000 đồng.

- Bị đơn ông Lăng Văn T trình bày: Về nguồn gốc đất tranh chấp ông hoàn toàn nhất trí với ý kiến ông Hà Văn P trình bày. Gia đình ông có mảnh đất giáp với đất nhà ông Hà Văn P, bố ông (là ông Lăng Văn C) và bố ông Hà Văn P (là ông Hà Quý X) cho bà Hà Thị B mỗi người 2m đất mặt đường kéo sâu vào theo thửa đất để làm nhà ở. Gia đình ông Hà Quý X dịch 2m sang phía nhà ông để có đất cho bà Hà Thị B làm nhà ở tường trình, khi cho đất các bên không làm giấy tờ gì. Hiện tại, ông không có giấy tờ gì đối với phần đất tranh chấp trên. Tại phiên tòa hôm nay ông yêu cầu được quản lý, sử dụng 24m^2 đất tranh chấp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lăng Văn C trình bày: Bà Hà Thị B là con anh trai ông. Vì anh trai ông là Liệt sỹ nên khi ông Hà Quý X bàn bạc với ông cho bà Hà Thị B mỗi người 2m đất mặt đường để bà Hà Thị B làm nhà ở và làm ăn, ông nhất trí. Khi cho đất các bên không làm giấy tờ gì, ông có ý kiến rằng cho bà Hà Thị B đất làm nhà ở khi nào bà Hà Thị B lấy chồng và về nhà chồng thì ông lấy lại đất chứ không phải là cho hẳn bà Hà Thị B. Nay ông yêu cầu lấy lại đất.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn T trình bày: Năm 1996, ông kết hôn với bà Hà Thị B. Sau khi kết hôn, ông về sinh sống tại nhà bà Hà Thị B, tại khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh L nhà trình tường lợp ngói Sông Cầu. Đến năm 1998, sinh con chung là Dương Văn Đ. Sau khi sinh cháu Dương Văn Đ được hơn 40 ngày bà Hà Thị B mất, ông chuyển về sống tại xã T, huyện C nhưng ông vẫn thường xuyên đi lại thắp hương cho vợ. Ông nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh Dương Văn Đ. Ông đề nghị Tòa án giải quyết giao cho anh Dương Văn Đ được sử dụng và quản lý diện tích đất tranh chấp, ông không yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Về đất tranh chấp tại Khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh L, diện tích 48m^2, thửa số 53, tờ bản đồ số 91, bản đồ địa chính thị trấn L đo vẽ năm 1999 - 2000, thuộc loại đất ở, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của các đương sự tại phiên tòa, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Văn Đ, đề nghị Hội đồng xét xử giao cho anh Dương Văn Đ được quản lý, sử dụng diện tích 48m^2, thửa số 53, tờ bản đồ số 91; đình chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại do nguyên đơn rút yêu cầu.

Với nội dung vụ án như trên tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2017/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Dương Văn Đ.

Anh Dương Văn Đ được quyền quản lý, sử dụng diện tích 48m^2 đất tranh chấp, thuộc thửa đất số 53, tờ bản đồ số 91, bản đồ địa chính thị trấn L đo vẽ năm 1999 - 2000, thuộc loại đất ở, tại khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh L; thửa đất có kích thước, vị trí tiếp giáp như sau:

Phía Bắc từ điểm A đến B giáp đất của ông Hà Văn P có cạnh dài 10,82m;

Phía Đông từ điểm B đến C giáp đường bê tông có cạnh dài 3,45m;

Phía Nam từ điểm C đến D giáp đất nhà bà Lành Thị T có cạnh dài 5,62m + 6,91m;

Phía Tây từ điểm D đến A giáp đất của ông Hà Văn P có cạnh dài 4,35m;

(Có sơ họa kèm theo bút lục số 112).

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Lăng Văn T và ông Hà Văn P có trách nhiệm thanh toán trả cho nguyên đơn (do bà Đặng Thị L đại diện theo ủy quyền) mỗi người 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng chẵn).

Ngoài ra bản án còn tuyên về việc đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện, án phí và quyền kháng cáo.

Trong thời hạn luật định, ngày 10 tháng 10 năm 2017 ông Hà Văn P và ông Lăng Văn T là các bị đơn có kháng cáo yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp và yêu cầu buộc nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị đơn ông Hà Văn P và ông Lăng Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến:

- Về nội dung kháng cáo: Ông Hà Văn P và ông Lăng Văn T kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn luật định, được coi là hợp lệ.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật, các đương sự có mặt tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Xác định nguồn gốc đất là của ông Hà Ngọc L (là ông nội của bà Hà Thị B). Về quá trình sử dụng, ông Hà Ngọc L đã cho bà Hà Thị B dựng một ngôi nhà trình tường trên diện tích đất này từ năm 1989, đến năm 1998 bà Hà Thị B chết. Sau khi bà Hà Thị B chết ông Dương Văn T là chồng bà Hà Thị B ở ngôi nhà bà Hà Thị B đã xây vài năm sau đó ông Dương Văn T cũng chuyển đi và cho ông Hà Văn N là chú của bà Hà Thị B ở nhờ đến năm 2011. Sau đó, thỉnh thoảng ông Dương Văn T vẫn về thắp hương cho bà Hà Thị B và trông nom ngôi nhà. Đến năm 2013, ông Hà Văn P tháo dỡ nhà của bà Hà Thị B mới phát sinh tranh chấp. Trong suốt thời gian bà Hà Thị B quản lý, sử dụng diện tích đất trên các bị đơn đều không có ý kiến gì về việc tranh chấp đất. Mặt khác các bị đơn cũng không có giấy tờ gì để chứng minh đất đang tranh chấp là của các bị đơn. Do đó yêu cầu kháng cáo của các bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

Việc anh Hà Văn P và anh Lăng Văn T kháng cáo yêu cầu anh Dương Văn Đ phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản là không có căn cứ; do trong vụ án này yêu cầu của bị đơn không được Tòa chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản là đúng quy định của pháp luật.

Với những nội dung nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 12/2017/DS-ST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đó được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự và Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nguồn gốc đất: Anh Dương Văn Đ cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp do mẹ anh quản lý và làm nhà để ở từ năm 1989 đến năm 1998 mẹ anh chết, anh còn nhỏ tuổi không có mặt ở địa phương để quản lý nhà đất. Ông Lăng Văn T, ông Hà Văn P cho rằng đất tranh chấp do gia đình các ông cho mượn mỗi ông 24m^2 để bà Hà Thị B làm nhà ở từ năm 1998, không làm giấy tờ chỉ thỏa thuận miệng với nhau, khi nào bà Hà Thị B đi lấy chồng thì phải trả lại đất cho các ông.

[2] Tại công văn số 956/UBND-TNMT ngày 06/9/2017 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh L đã xác định: Diện tích 48m^2 đất đang tranh chấp là thuộc thửa đất số 53, tờ bản đồ số 91, bản đồ địa chính thị trấn L đo vẽ năm 1999 - 2000, chưa cấp giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân nào, do người quản lý sử dụng đất chưa thực hiện việc kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với các thửa đất liền kề của hộ ông Hà Văn P (thửa số 51) và của hộ ông Lăng Văn T (thửa số 39) đều đã được giao đất; khi tiến hành xác định ranh giới, mốc giới thửa đất của hộ gia đình mình, các ông Lăng Văn T, ông Hà Văn P đều không xác định diện tích thửa 53 thuộc quyền quản lý, sử dụng của mình.

[3] Thực tế các bên đều thừa nhận rằng, năm 1989 bà Hà Thị B đã làm một căn nhà trình tường trên diện tích đất này để ở. Đến năm 1996 bà Hà Thị B kết hôn với ông Dương Văn T; sau khi kết hôn vợ chồng ông bà tiếp tục sinh sống trên diện tích đất này. Đến năm 1998 vợ chồng ông bà có con là anh Dương Văn Đ; sau khi sinh anh Dương Văn Đ được khoảng 40 ngày tuổi thì bà Hà Thị B chết; anh Dương Văn Đ được bà Đặng Thị L (bà của anh Dương Văn Đ) đưa về nuôi dưỡng; ông Dương Văn T về quê ở xã T, huyện C, tỉnh L sinh sống, thỉnh thoảng ông Dương Văn T có về trông nom nhà thắp hương cho vợ; sau đó nhà trên do ông Hà Văn N là chú của bà Hà Thị B ở nhờ một thời gian. Đến năm 2013 do ngôi nhà bà Hà Thị B bị nghiêng sang nhà ông Hà Văn P nên ông đã tự ý phá dỡ ngôi nhà của bà Hà Thị B đi.

[4] Việc các ông Lăng Văn C, Lăng Văn T, Hà Văn P trình bày diện tích đất này là do các ông cho bà Hà Thị B mượn để ở nhờ, ngoài lời trình bày của các ông không có căn cứ nào khác chứng minh. Như vậy, thực tế sử dụng cho thấy diện tích đất tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Hà Thị B. Sau khi bà Hà Thị B mất ông Dương Văn T chuyển đi nơi khác sinh sống và lấy vợ mới; anh Dương Văn Đ còn nhỏ được bà Đặng Thị L đưa về nhà chăm sóc, nuôi dưỡng nên ông Dương Văn T và anh Dương Văn Đ không thực hiện được việc quản lý, sử dụng diện tích đất trên. Tuy nhiên việc quản lý, sử dụng đất của hộ gia đình là hợp pháp, diện tích đất trên không vi phạm quy hoạch sử dụng đất, có thể giao quyền quản lý, sử dụng đất cho các hộ sử dụng đất theo quy định. Mặt khác, ông Dương Văn T không yêu cầu được quản lý, sử dụng đất tranh

chấp, đề nghị Tòa án giao cho Dương Văn Đ là con của ông được quyền quản lý, sử dụng. Như vậy, việc cấp sơ thẩm quyết định giao diện tích đất trên cho anh Dương Văn Đ quản lý, sử dụng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Ông Hà Văn P và ông Lăng Văn T có kháng cáo yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp tuy nhiên không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo này của các ông.

[6] Về kháng cáo yêu cầu nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thấy rằng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận và các bên không thỏa thuận được về nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng. Do đó, việc cấp sơ thẩm buộc các ông Hà Văn P và Lăng Văn T phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Từ những nhận định trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các ông Hà Văn P và Lăng Văn T; cần giữ nguyên phần Quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 12/2017/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các ông Hà Văn P và Lăng Văn T không được chấp nhận nên các ông phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của các ông Hà Văn P và Lăng Văn T; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2017/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn; cụ thể:

Áp dụng Điều 101, Điều 166, khoản 2 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 91 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 hướng dẫn thi hành một số điều luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tung dân sự, Điều 164, 169, 185, 357, 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Dương Văn Đ.

Anh Dương Văn Đ được quyền quản lý, sử dụng diện tích 48m^2 đất tranh chấp, thuộc thửa đất số 53, tờ bản đồ số 91, bản đồ địa chính thị trấn L đo vẽ năm 1999 - 2000, thuộc loại đất ở, tại khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh L; thửa đất có kích thước, vị trí tiếp giáp như sau:

Phía Bắc từ điểm A đến B giáp đất của ông Hà Văn P có cạnh dài 10,82m;

Phía Đông từ điểm B đến C giáp đường bê tông có cạnh dài 3,45m;

Phía Nam từ điểm C đến D giáp đất nhà bà Lành Thị T có cạnh dài 5,62m + 6,91m;

Phía Tây từ điểm D đến A giáp đất của ông Hà Văn P có cạnh dài 4,35m;

(Có sơ họa kèm theo bút lục số 112).

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Lăng Văn T và ông Hà Văn P phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Xác nhận nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng); các ông Lăng Văn T và ông Hà Văn P có trách nhiệm thanh toán trả cho nguyên đơn (do bà Đặng Thị L đại diện theo ủy quyền) mỗi người 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên phải thi hành chậm trả thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các ông Lăng Văn T và Hà Văn P mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận ông Lăng Văn T và ông Hà Văn P đã nộp đủ số tiền án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/01119 ngày 17/10/2017 và biên lai số AA/2012/01118 ngày 17/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (06/02/2018).

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Người bvqlhp của đương sự;
- HCTP, KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lộc Sơn Thái